

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỎ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08 tháng 6 năm 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đèo Văn Vĩnh; Bà Trần Thị Mùi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lò Văn B, sinh năm: 1985, địa chỉ: Bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

*Bị đơn:* Chị Nông Thị H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Bản H, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lò Văn B trình bày:*

Anh Lò Văn B và chị Nông Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2008, tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B, chị H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H thường xuyên nói dối chồng, không chung thủy, không vun đắp hạnh phúc gia đình, giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh B và gia đình hai bên đã khuyên bảo chị H nhiều lần, mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng anh B, chị H sống ly thân, không

quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, thỉnh thoảng chị H vẫn gọi điện về hỏi thăm con và gửi tiền về cho con. Hiện nay, chị H không có thai, không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Anh B không còn tình cảm với chị H nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là cháu Lò Bảo A, sinh ngày 25/4/2010. Từ khi anh B và chị H sống ly thân thì cháu A ở cùng với anh B, được anh B nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh B mong muốn được nuôi cháu A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Theo lời khai của cháu Lò Bảo A: Hiện nay, cháu đang ở với bố, được bố yêu tH, quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và xác minh tại gia đình bố, mẹ đẻ của chị H, xác định: Vợ chồng anh B, Chị H hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa pH. Sau khi kết hôn, anh B, chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị H bỏ nhà đi, không sinh sống tại địa pH, chị H không khai báo tạm vắng, không ai biết chị H đang ở đâu. Từ khi bỏ nhà đi, chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, thỉnh thoảng chị H có về thăm nhà. Chị H đã biết việc anh B xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn với anh B, nhất trí để anh B nuôi con sau ly hôn. Chị H không có tranh chấp về tài sản, không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lò Văn B, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn B được ly hôn với chị Nông Thị H. Về con chung: Giao cháu Lò Bảo A cho anh Lò Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B phải tạo điều kiện cho chị H được thăm nom, chăm sóc các cháu theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là anh Lò Văn B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh B và bị đơn là chị Nông Thị H. Tại thời điểm anh B gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh B không xác định được nơi ở của bị đơn ở đâu do bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Anh B chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại bản Huổi Én, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn B và chị Nông Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh B, chị H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm sống. Chị H không quan tâm, chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh B và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần và cho hai vợ chồng nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh B không còn tình cảm với chị H nữa và muốn được ly hôn với chị H. Chị H cũng nhất trí ly hôn với anh B. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, chị H vắng mặt không có lý do. Giữa chị H và anh B không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại thời điểm hiện nay, chị H không có thai, không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, giải quyết cho anh B được ly hôn với chị H theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Từ khi vợ chồng anh B, chị H sống ly thân, cháu Lò Bảo A sống cùng với bố, được bố quan tâm, chăm sóc. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu A trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, anh B đang có khả năng lao động, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A. Chị H cũng nhất trí để anh B nuôi dưỡng cháu A. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho anh B là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh B là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh B cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh B và chị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lò Văn B được ly hôn với chị Nông Thị H.

**- Về con chung:** Giao cháu Lò Bảo A, sinh ngày 25/4/2010 cho anh Lò Văn B là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh B là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh B

cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lò Văn B không yêu cầu chị Nông Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Anh Lò Văn B và chị Nông Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Lò Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0004577, ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, anh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Mường So;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hạnh**